

BÁO CÁO

**Về việc công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty
TNHH MTV Đầu Tư và Xây Dựng Tân Thuận dạng tóm lược**

Căn cứ Khoản 2, Điều 13 Quy chế công bố thông tin, ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng thành viên Công ty.

Tổng Giám đốc công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty dạng tóm lược như sau:

1. Bảng cân đối kế toán niên độ năm 2025 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 01b-DN).
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ năm 2025 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 02b-DN).
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ niên độ năm 2025 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 03b-DN).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Văn phòng Thành ủy (để báo cáo)
- Hội đồng thành viên (để báo cáo);
- Kiểm soát viên (để báo cáo);
- Các Phó Tổng Giám đốc (để biết);
- Lưu: Phòng TC-KT.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NIÊN ĐỘ NĂM 2025 (Dạng tóm lược)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 110+120+130+140+150)	100		690.609.500.618	677.048.194.521
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		123.702.062.759	161.539.913.934
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		81.536.799.949	127.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.517.773.086	31.720.540.774
IV. Hàng tồn kho	140		338.038.016.913	354.157.605.119
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.814.847.911	1.930.134.694
B - TÀI SẢN DÀI HẠN(200= 210+220+240+250+260)	200		226.975.412.436	228.231.895.710
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.872.851.375	16.340.606.435
II. Tài sản cố định	220		4.913.930.263	5.213.836.080
III. Bất động sản đầu tư	230		29.410.558.473	31.208.294.877
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		174.487.936.635	174.436.280.090
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		290.135.690	1.032.878.228
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		917.584.913.054	905.280.090.231
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		747.647.123.854	730.605.149.681
I. Nợ ngắn hạn	310		744.192.423.854	726.089.649.681
II. Nợ dài hạn	330		3.454.700.000	4.515.500.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		169.937.789.200	174.674.940.550
I. Vốn chủ sở hữu	410		169.937.789.200	174.674.940.550
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		917.584.913.054	905.280.090.231

Kế toán Trưởng

Võ Đình Phi Linh

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ NĂM 2025
(Dạng tóm lược)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		125.874.265.445	104.940.295.766
2. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31		55.550.314.895	46.020.083.858
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.550.693.833	98.597.680.450
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.236.573.944	78.850.571.480

Kế toán trưởng

Võ Đình Phi Linh

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ NĂM 2025
(Dạng tóm lược)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
(1)	(2)	(3)		(4)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		125.874.265.445	104.940.295.766
2. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31		49.834.224.896	46.020.083.858
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	11.396.063.144	17.116.092.934
Thu nhập khác: từ chi phí trích trước, khác	31	6	491.775	20.379
Thu nhập khác: thanh lý, nhượng bán TSCĐ	31	6		123.409.091
Chi phí khác: thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32	7		-5.826.000
Thu nhập khác: Tiền điện, nước, phí CQ, khác	31	6	184.877.464	575.983.518
Thu nhập khác: Tiền phạt hợp đồng	31	6		22.736.490
Thu nhập khác: Thu hộ chi hộ mặt bằng VPTU	31	6	215.002.854	872.498.647
Thu nhập khác từ thu tiền bồi thường thiệt hại dự án Phước Kiến & Ven Sông	31	6	38.037.789.659	27.315.168.799
Thu nhập khác từ thu tiền thuê MB tại địa chỉ 360B Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4 dự án Phước Kiến & Ven Sông	31	6	5.599.999.999	
Thu tiền RA2 và RA3	31	6	116.090.000	
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.550.693.833	98.597.680.450
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.236.573.944	78.850.571.480

Kế toán trưởng

Võ Đình Phi Linh

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NIÊN ĐỘ NĂM 2025
(Dạng tóm lược)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3		4
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(22.487.712.056)	20.933.090.533
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		98.023.357.011	189.028.963.606
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.212.077.010)	(53.716.129.869)
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(37.837.851.175)	156.245.924.270
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		161.539.913.934	5.293.989.664
6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			-
7. Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61+62)	70		<u>123.702.062.759</u>	<u>161.539.913.934</u>

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Võ Đình Phi Linh



Nguyễn Hữu Cảnh